TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG HINH** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày 01/6/2022
"V/v Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HINH, TỈNH PHÚ YÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ksor Y Thư và ông Phạm Xuân Lai.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Mạy - Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh tham gia phiên tòa:* Bà Lương Như Hoàn - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 01 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên. TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 88/2021/TLST-HNGĐ, ngày 05/10/2021 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/4/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11/5/2022, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 01/TB-TA ngày 23/5/2022 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 03/2022/QĐ-CA ngày 26/5/2022 của TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị S, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Đức T, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh Phú Yên. Anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 28 tháng 9 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Phạm Thị S (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Nguyên đơn và anh Lê Đức T (viết tắt là bị đơn) tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau theo quy định pháp luật vào ngày 19/5/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hinh. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Do chồng thường xuyên đánh bài bạc, bỏ nhà đi không quan tâm vợ con,

vay nợ nhiều nơi mặc dù vợ đã khuyên răn nhiều lần nhưng không nghe. Hiện vợ chồng đã ly thân lâu, hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Có 02 con chung: Lê Phạm Kim Ph, sinh ngày 22/5/2010 và Lê Phạm Châu Q, sinh ngày 21/3/2013. Nguyên đơn chăm sóc các con từ nhỏ, bị đơn thường xuyên bỏ nhà đi, không quan tâm con. Do đó, nguyên đơn có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng các con. Về cấp dưỡng: Trước đây nguyên đơn có yêu cầu bị đơn cấp dưỡng 2.000.000đ/cháu/tháng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn xin rút yêu cầu này.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa để giải quyết và trình bày ý kiến chỉ có văn bản ghi ngày 08/10/2021 gửi cho Tòa trình bày nội dung do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên không thể đến Tòa theo Giấy triệu tập và khi nào hết dịch sẽ đến Tòa. Tuy nhiên sau khi tình hình dịch Covid-19 được kiểm soát, Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa để giải quyết và trình bày ý kiến. Do đó Tòa án lập biên bản hòa giải không được và đưa vụ án ra xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, con chung, tài sản chung và rút phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với số tiền 2.000.000đ/cháu/tháng; bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện VKSND huyện Sông Hinh phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên tòa và phiên tòa diễn ra đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Đề nghị giao con chung Lê Phạm Kim Ph, sinh ngày 22/5/2010 và Lê Phạm Châu Q, sinh ngày 21/3/2013 cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ là ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh Phú Yên, theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn:

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nhưng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại UBND xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hinh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 14/2010, ngày 19/5/2010 nên xác định quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hai bên đến Tòa để hòa giải nhưng bị đơn không đến và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn mà chỉ có văn bản báo cho Tòa án biết đang ở vùng dịch Covid-19 không về được. Sau khi tình hình dịch Covid-19 được kiểm soát và việc đi lại đã thuận lợi trên toàn quốc Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn vẫn không đến để giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và cho rằng bị đơn thường xuyên đánh bài bạc, bỏ nhà đi không quan tâm vợ con, vay nợ nhiều nơi, vợ chồng đã ly thân không còn quan tâm đến nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại Biên bản xác minh ngày 09/3/2022 mẹ ruột của bị đơn xác nhận khi nguyên đơn gửi đơn ly hôn lên Tòa thì cả hai vợ chồng không còn sống chung với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy hiện vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn tha thiết xin ly hôn để tạo dựng cuộc sống mới. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về con chung:

Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung: Lê Phạm Kim Ph, sinh ngày 22/5/2010 và Lê Phạm Châu Q, sinh ngày 21/3/2013. Các cháu đều có nguyện vọng được sống với mẹ để được chăm sóc tốt hơn. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung; hiện nay các cháu đều được nguyên đơn chăm sóc từ nhỏ, được đi học và có cuộc sống ổn định cùng với nguyên đơn; bị đơn thường xuyên bỏ nhà đi xa, không gần gũi chăm sóc con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Lê Phạm Kim Ph, sinh ngày 22/5/2010 và Lê Phạm Châu Q, sinh ngày 21/3/2013 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu cấp dưỡng đối với số tiền 2.000.000đ/cháu/tháng. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều

244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn đối với số tiền 2.000.000đ/cháu/tháng là có căn cứ.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2, 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Phạm Thị S được ly hôn bị đơn Lê Đức T.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Phạm Kim Ph, sinh ngày 22/5/2010 và Lê Phạm Châu Q, sinh ngày 21/3/2013 cho nguyên đơn Phạm Thị S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Bị đơn Lê Đức T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ đối với yêu cầu cấp dưỡng của nguyên đơn số tiền 2.000.000đ/cháu/tháng.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Nguyên đơn Phạm Thị S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0001009 ngày 05/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa

được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ((mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Sông Hinh;
- CCTHADS huyện Sông Hinh;
- UBND xã Đức Bình Đông;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

BÀN THỊ TIÊN